TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số**: 64/**2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20/6/2025
V/v: Tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Phê

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hổ

Bà Nguyễn Thị Hiền

- ***Thư ký phiên tòa****:* Ông Đặng Thái Khang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà***:** Bà Trần Thị Ấm- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 112/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 152/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Bà Phan Thị Tuyết L, sinh năm 1979. Nơi cư trú Số D khu phố D, phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Có đơn xin vắng mặt.

- ***Bị đơn****:* Ông Võ Tuấn K, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Số D khu phố D, phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị Tuyết L trình bày:

Vào năm 2016 bà và ông Võ Tuấn K được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/10/2007. Trong thời gian sống chung bà và ông Võ Tuấn K có 02 con chung tên Võ Tuyết M, sinh ngày 04/3/2016; Võ Tuấn N, sinh ngày 06/02/2008 hiện đang sống chung với bà.

Về tài sản chung: Bà và ông K có tạo lập được tài chung là nhà và đất hiện là nơi sinh song của các con; bà và ông K không có nợ chung.

Nguyên nhân ly hôn: là do trong thời gian chung sống ông, bà bất đồng quan điểm vợ chồng ngày càng mất lòng tin và không còn tiếng nói chung, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành; hiện nay bà và ông K không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Nhận thấy ông, bà có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên bà có yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Võ Tuấn K. Bà không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Võ Tuyết M, sinh ngày 04/3/2016 và Võ Tuấn N, sinh ngày 06/02/2008, hai con chung đang sống chung và có nguyện vọng sống chung với bà, bà không yêu cầu ông Võ Tuấn K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Võ Tuấn K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông Võ Tuấn K vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình***;*** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban ***ường"***Thường vụ Quốc hội đề nghị:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Tuyết Lê . Bà Phan Thị Tuyết L được ly hôn với ông Võ Tuấn K.

Về con chung: Giao con chung tên Võ Tuyết M, sinh ngày 04/3/2016, Võ Tuấn N, sinh ngày 06/02/2008 cho bà Phan Thị Tuyết L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, do bà Phan Thị Tuyết L không yêu cầu ông Võ Tuấn K cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản: Tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên đề nghị không xem xét.

Về án phí tuyên theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Võ Tuấn K hiện có đăng ký thường trú tại phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Bà Phan Thị Tuyết L có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Võ Tuấn K đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông Võ Tuấn K vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Phan Thị Tuyết L và ông Võ Tuấn K.

[4] Về nội dung:

Về hôn nhân: Bà Phan Thị Tuyết L và ông Võ Tuấn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/10/2007. Vì vậy quan hệ hôn nhân của bà Phan Thị Tuyết L và ông Võ Tuấn K được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân bà Phan Thị Tuyết L xin ly hôn với ông Võ Tuấn K là do trong thời gian chung sống ông, bà bất đồng quan điểm vợ chồng ngày càng mất lòng tin và không còn tiếng nói chung, ông Võ Tuấn K không quan tâm chăm sóc cho vợ con; gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, xét thấy: Hiện nay bà Phan Thị Tuyết L và ông Võ Tuấn K không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Mặt khác ông K biết rõ việc bà Lê X ly hôn với ông, Tòa án đã tạo điều kiện để bà Phan Thị Tuyết L và ông Võ Tuấn K hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng ông K vắng mặt không có lý do nên từ đó có căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa bà bà Phan Thị Tuyết L và ông Võ Tuấn K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị Tuyết L là phù hợp. Do bà Phan Thị Tuyết L không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về con chung: Bà Phan Thị Tuyết L và ông Võ Tuấn K có 01 con chung tên Võ Tuyết M, sinh ngày 04/3/2016; Võ Tuấn N, sinh ngày 06/02/2008. Xét thấy: Từ khi bà Phan Thị Tuyết L và ông Võ Tuấn K không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau thì hai con chung do bà Lê trực T nuôi dưỡng con chung có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Mặt khác con chung là cháu Võ Tuyết M, Võ Tuấn N có nguyện vọng sống chung với bà L. Do đó để không làm thay đổi môi trường sống và sinh hoạt hằng ngày cần giao cho bà L được tiếp tục nuôi dưỡng là

phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do bà bà Phan Thị Tuyết L và ông Võ Tuấn K không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Bà Phan Thị Tuyết L phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 238, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 115 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Phan Thị Tuyết Lê . Bà Phan Thị Tuyết L được ly hôn với ông Võ Tuấn K.

Do bà Phan Thị Tuyết L và ông Võ Tuấn K không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn nên không xem xét.

2. Về con chung: Giao cho bà Phan Thị Tuyết L được trực tiếp nuôi con chung tên Võ Tuyết M, sinh ngày 04/3/2016; Võ Tuấn N, sinh ngày 06/02/2008 con chung đang sống chung và có nguyện vọng sống với bà Phan Thị Tuyết Lê . Do bà Phan Thị Tuyết L không yêu cầu ông Võ Tuấn K cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức theo quy định của pháp luật Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3.Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Phan Thị Tuyết L phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008012 ngày 25/3/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- CCTHADS thành phố Bến Tre (1b);
- UBND xã Lương Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre(1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ, VP (3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Huỳnh Thị Phê